

NHÃN PHỤ

Tên trang thiết bị y tế (TTBYT): **IVD pha loãng trong xét nghiệm nước tiểu**

Chủng loại: **UF-CELLPACK SF**

Mã sản phẩm: **CE604532**

Số lưu hành TTBYT:

Chủ sở hữu số lưu hành TTBYT: **CÔNG TY TNHH SYSMEX VIỆT NAM.** Tầng 8, tòa nhà Centre Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Thông tin cảnh báo, hướng dẫn sử dụng, bảo quản và các thông tin khác: xem trên website **www.sysmex.com.vn** hoặc liên hệ chủ sở hữu số lưu hành TTBYT.

Số lô/ Ngày hết hạn: xem **LOT/ 罠** (hoặc **Exp. Date**) trên bao bì gốc.

(Ngày hết hạn: định dạng Năm-Tháng-Ngày)

Sản xuất bởi: **Sysmex International Reagents Co., Ltd., Ono Factory**

Địa chỉ: **17 Takumidai, Ono, Hyogo 675-1322, Nhật Bản.**

Đơn vị nhập khẩu, bảo hành cho sản phẩm tại Việt Nam: **CÔNG TY TNHH SYSMEX VIỆT NAM.** Tầng 8, tòa nhà Centre Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh (Tel: 028.3997 9400), hoặc **Chi nhánh Hà Nội:** Tầng 10, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội (Tel: 024.3776 7020).

Mã tem: **CE604532-XX-XX**

SF

UF-CELLPACK™ SF

UF-セルパック™ SF



2.1L×2

EUH208
EUH210

REF CE-604-532



www.sysmex-europe.com/ifu

EC REP
Sysmex Europe GmbH
Bornbarch 1,
22848 Norderstedt, Germany

Sysmex Corporation
1-5-1 Wakinohama-Kaigandori,
Chuo-ku, Kobe 651-0073, Japan
MADE IN JAPAN

A diluent for fully automated urine particle analyzers
Diluant pour analyseurs de particules d'urine entièrement automatisé
Diluyente para analizadores de partículas de orina totalmente automatizado
Um diluente para analisadores automatizado de sedimentos urinários
全自動尿中有形成分分析装置用希釈液

Warnings and precautions: Before use, please read the analyzer's Instructions for Use carefully.

Storage and shelf life after first opening: Once opened, this reagent should be used within 90 days.

Avertissements et mesures de précaution: Avant utilisation, lire attentivement le Mode d'emploi de l'analyseur.

Conservation et durée de vie après la première ouverture du récipient: Utilisable 90 jours après ouverture.

Advertencias y precauciones: Antes de usar, lea detenidamente las Instrucciones De Uso del analizador. Producto químico no clasificado como peligroso según GHS.

Conservación y caducidad una vez abierto: Una vez abierto, este reactivo debe de ser utilizado en 90 días.

Advertências e precauções: Antes de usar, ler atentamente as Instruções de Utilização do analisador. Produto químico não classificado como perigoso de acordo com a ABNT NBR 14725-2.

Conservação e prazo de validade após a primeira abertura: Uma vez aberto, este reagente deve ser consumido em 90 dias.

使用上又は取扱い上の注意: ご使用前に、装置の取扱説明書を必ずお読みください。開封後の貯法及び有効期間: 開封後は、90日以内に使用してください。

Components:

HEPES 1,2%
1,2-benzisothiazol-3(2H)-one < 0,01%

Composants:

HEPES 1,2%
1,2-benzisothiazole-3(2H)-one < 0,01%

Componentes:

HEPES 1,2%
1,2-bencisotiazol-3(2H)-ona < 0,01%

Composição:

HEPES 1,2%
1,2-benzisotiazole-3(2H)-ona < 0,01%

組成:

HEPES 1,2%
1,2-ベンゾイソチアゾール-3(2H)-オン < 0,01%



Distributed in the U.S.A. by
Sysmex America, Inc.
577 Aptakistic Road
Lincolnshire, IL 60069, U.S.A.

製造販売元
シスメックス株式会社
神戸市中央区脇浜海岸通1-5-1 〒651-0073

Sysmex is Registered in U.S. Pat. & Tm. Off.

UPF-300A
CN377705E-F

Printing color


	DIC2236
	Black


UF-CELLPACK SF_UPF-300A_CN377705E0_Label

SF





UF-CELLPACK™ SF

UF-セルパック™ SF




 XXXX-XX-XX

LOT XXXXXX







EAN/JAN




4 987562 433933

UPC



6 36090 43393 2

GSI-128




(01)04987562000000(17)***** (10)XXXXXX




UPF-300A
AF738984B-R


Printing color	
	DIC2236
	Black

SF **UF-CELLPACK™ SF**
UF-セルパック™ SF

sysmex **2.1L**

IVD +2°C +35°C  www.sysmex-europe.com/ifu


   **Sysmex Corporation**
 1-5-1 Wakinohama-Kaigandori,
 Chuo-ku, Kobe 651-0073, Japan

 XXXX-XX-XX **EUH208**
EUH210



LOT XXXXXX

Components:
 HEPES 1.2 %
 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one < 0.01 %

組成:
 HEPES 1.2 %
 1,2-ベンゾイソチアゾール-3(2H)-オン < 0.01 %

Reagent Code

 012345678901234567890123456789AAA

UPF-300
 CX840179C-b

Printing color	
	DIC2236
	Black